

TÔN GIÁO VÀ DÂN TỘC

ẢNH HƯỞNG CỦA PHẬT GIÁO ĐẾN CHÍNH TRỊ TRONG HAI TRIỀU ĐẠI LÝ - TRẦN

ĐẶNG THỊ LAN^(*)

MỞ ĐẦU

Phật giáo du nhập vào Việt Nam gần hai ngàn năm qua và đã để lại nhiều dấu ấn sâu sắc trong lịch sử dân tộc. Triết lý Phật giáo thực sự đã ảnh hưởng đến tư tưởng, lối sống và tâm thức con người Việt Nam. Dưới hai triều đại Lý - Trần, Phật giáo đã trở thành quốc giáo và giữ vai trò trụ cột trong đời sống chính trị và văn hóa Đại Việt. Có thể nói đây là giai đoạn cực thịnh của Phật giáo Việt Nam và cũng là thời kì vẻ vang nhất trong lịch sử kháng chiến chống ngoại xâm của dân tộc. Nhiều vị sư đã tham gia vào triều chính, đóng vai trò cố vấn quan trọng cho triều đình. Ngược lại, nhiều vị vua cũng như các quan triều đình đều tin theo Phật giáo, một số là những nhà tu hành đắc đạo, có kiến thức Phật học uyên thâm và là những nhà lãnh đạo quốc gia tài giỏi.

Giai cấp thống trị của cả hai triều đại Lý - Trần đã dùng Phật giáo như một phương tiện để liên kết nhân tâm, củng cố vương triều chống lại các thế lực ngoại xâm hùng mạnh. Phật giáo thời Lý-Trần thực sự có tiếng nói trên vũ đài tư tưởng và có ảnh hưởng lớn trong sự phát triển của đời sống văn hóa tinh thần của xã hội Việt Nam lúc đó. Triết lý

nhân sinh từ bi, bác ái, cứu khổ, cứu nạn của nhà Phật đã thực sự góp phần củng cố vương triều, có ảnh hưởng lớn đến đường lối trị nước, an dân của vua quan trong triều đình. Có thể nói, giai đoạn lịch sử Lý - Trần đã để lại những mốc son chói lọi trong văn hóa Đại Việt với sự đóng góp vô cùng to lớn của Phật giáo. Đây là một giai đoạn lịch sử thật độc đáo. Dưới sự lãnh đạo của các vị vua Phật tử và sự đóng góp không nhỏ của các nhà sư, đất nước đã có sự phát triển rực rỡ về các mặt quân sự, chính trị, văn học, nghệ thuật. Âm hưởng của giai đoạn lịch sử đặc biệt này đến nay vẫn còn vang vọng, là niềm tự hào của dân tộc Việt Nam, là minh chứng cho sự gắn bó chặt chẽ giữa đạo và đời, giữa Phật giáo với dân tộc.

1. Vài nét về diện mạo Phật giáo thời Lý - Trần

Giai đoạn lịch sử Lý - Trần là giai đoạn phát triển nhất của quốc gia phong kiến Đại Việt. Triều Lý (1010-1225) và triều Trần (1226-1400), cả hai triều đại tồn tại gần 400 năm.

*. TS., Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

Vua Lý Thái Tổ, người mở đầu triều đại nhà Lý đã lớn lên trong nhà chùa và được sự ủng hộ của giới Phật giáo trong cuộc vận động lên ngôi. Sau khi lên ngôi, vua đã có nhiều sắc lệnh có lợi cho sự phát triển của Phật Giáo: cho xây dựng nhiều chùa chiền trong cả nước, độ dân làm sư, sai sứ sang Trung Quốc thỉnh kinh Tam Tạng. Sau khi dời đô ra Thăng Long, Lý Thái Tổ đã cho xây dựng nhiều nhà chứa kinh. Năm 1011, xây dựng nhà chứa kinh trấn Phúc. Năm 1021, Lý Thái Tổ lại cho xây dựng nhà chứa kinh Bát Giác để chứa các kinh tạng vừa thỉnh được năm trước.

Các vua Lý sau này cũng đều tôn sùng Phật giáo: Lý Thái Tông thuộc thế hệ thứ bảy của phái thiền Vô Ngôn Thông, Lý Thánh Tông thuộc thế hệ thứ nhất của thiền phái Thảo Đường, Lý Anh Tông thuộc thế hệ thứ ba và Lý Cao Tông thuộc thế hệ thứ năm của thiền phái này. Lý Huệ Tông sau khi nhường ngôi cho Lý Chiêu Hoàng cũng đi tu với hiệu là Huệ Quang thiền sư. Một số quý tộc quan lại cũng xuất gia đi tu, trở thành những bậc đại trí và được kính trọng trong xã hội như các sư Viên Chiếu, Quảng Trí, Trí Bảo, ni sư Diệuh Nhân.

Dưới triều Lý, Phật giáo phát triển hết sức mạnh mẽ. Triều đình có chính sách cấp ruộng đất cho nhà chùa, làm cho nhà chùa thành một đơn vị kinh tế có tài sản. Các vua, hoàng hậu, đại thần ra sức xuất tiền của xây dựng chùa chiền. Vua Lý Thánh Tông đã cho dựng 950 ngôi chùa, chi nhiều vàng bạc để đúc chuông. Nhiều chùa tháp có quy mô lớn hoặc kiến trúc độc đáo được xây dựng trong thời kì này như chùa Phật Tích, chùa Dạm, chùa Diên Hựu, chùa Phổ Minh, chùa Quỳnh Lâm, v.v...Triều đình còn thể hiện sức

mạnh của mình qua việc đúc *Tứ đại khí* bằng đồng tượng trưng cho đạo Phật như tháp Báo Thiên, chuông Quy Điền, tượng Phật Di Lặc chùa Quỳnh Lâm, vạc Phổ Minh. Các thái hậu, hoàng hậu còn xây dựng rất nhiều bảo tháp để mong được siêu linh tịnh độ.

Đặc biệt, do nhà Lý còn có chính sách độ dân làm sư nên số lượng sư sãi tăng rất nhanh. Nhà Lý đã tổ chức độ sư tới bốn lần. Nhiều vị cao tăng nổi tiếng trong cả nước, có uy tín và địa vị chính trị xã hội như Vạn Hạnh, Mãn Giác, Viên Thông, Từ Đạo Hạnh, Nguyễn Minh Không, Giác Hải, Pháp Loa, Huyền Quang, v.v... Những vị sư được xem như lãnh đạo tinh thần cho triều đình và cả nước được nhà vua ban danh hiệu *quốc sư* như Vạn Hạnh, Khô Đầu, Không Lộ, Viên Chiếu.

Vào cuối thời Lý (năm 1179), số tăng sĩ tăng quá nhiều, xuất hiện nhiều tệ nạn sinh ra trong giới xuất gia. Vua Lý Cao Tông đã cho khảo hạch các tăng sĩ. Năm 1198, vua cho lọc và sa thải bớt những tăng sĩ không xứng đáng.

Sang thời Trần, Phật giáo vẫn được coi trọng. Các vua Trần rất giỏi về đạo Phật. Vua Trần Thái Tông, Trần Thánh Tông, Trần Nhân Tông, Trần Anh Tông đều có kiến thức Phật học uyên thâm. Đặc biệt, vua Trần Nhân Tông là người sáng lập ra thiền phái Trúc Lâm Yên Tử và trở thành tổ thứ nhất của thiền phái này. Thời đại vua Trần Nhân Tông là thời đại Phật giáo Việt Nam hưng thịnh đến cực độ. Với sự ra đời của dòng thiền Trúc lâm Yên Tử của vua Trần Nhân Tông, Phật giáo Việt Nam thực sự đã mang bản sắc riêng. “Đứng về phương diện tư tưởng, tổ chức cũng như hành

đạo, giáo hội Trúc Lâm có những nét độc đáo khiến cho nó chỉ có thể là một giáo hội Việt Nam, phục vụ cho người Việt, duy trì và bồi đắp cá tính Việt.⁽¹⁾

Các vua chúa, quý tộc thời Trần hâm mộ đạo Phật nhưng không xuất tiên của xây dựng chùa mà chủ yếu mở rộng hoặc trùng tu những ngôi chùa, tháp có từ trước. Điều này có thể do đã tiếp thu được nhiều ngôi chùa từ thời Lý và cũng do nhà Trần cần dồn tiền của và công sức cho ba lần chống quân Nguyên xâm lược. Có một điểm cần chú ý là, thời Trần các nhà sư hầu như không trực tiếp họp bàn về các vấn đề chính trị như thời Lý, song Phật giáo vẫn phát triển hơn bao giờ hết và ảnh hưởng mạnh mẽ đến mọi mặt của đời sống xã hội Việt Nam trong giai đoạn này.

Cuối thời Trần (cuối thế kỉ XIV), sau thời kì phát triển rực rỡ, Phật giáo bắt đầu suy vi. Nhà chùa đã trở thành một đơn vị kinh tế, lại độ dân làm sư nhiều nên tạo điều kiện cho một bộ phận người lẩn tránh ở trong chùa để trốn tránh nghĩa vụ đối với nhà nước. Mặt khác, Phật giáo không phải là một học thuyết chính trị nên nó không đáp ứng được nhu cầu xây dựng nhà nước trung ương tập quyền. Chính vì vậy, các nhà vua sùng Phật giáo thời kì Lý- Trần vẫn cần đến sự hỗ trợ của Nho giáo, ngay cả khi Phật giáo trong thời kì phát triển nhất.

2. Ảnh hưởng của Phật giáo đến chính trị dưới triều đại nhà Lý

Thế kỉ X là thế kỉ Việt Nam thực sự giành được quyền tự chủ. Mật giáo và Thiên là hai hệ thống Phật giáo hưng thịnh nhất trong giai đoạn này. Nguyễn Lang, tác giả của *Việt Nam Phật giáo sử luận* đã cho rằng: “*Chính trong thế kỉ*

*này mà những trụ đá về Mật Tông đã được tạo dựng ở Hoa Lư⁽²⁾. Phật giáo đã ảnh hưởng đến đường lối trị nước, ngoại giao, tổ chức chính quyền và luật pháp của triều đình. Trên thực tế, Phật giáo được coi trọng ngay từ thời Tiền Lê, song đến thời Lý - Trần nó mới thực sự hưng thịnh. Sự thay đổi triều đại từ thời Tiền Lê sang nhà Lý đã đánh một dấu mốc quan trọng về sự ảnh hưởng của Phật giáo trong đời sống chính trị của dân tộc. Lý Công Uẩn làm quan dưới triều Tiền Lê, ông được thiên sư Vạn Hạnh nuôi dạy trong chùa từ nhỏ, đào tạo thành người tài đức kiêm toàn. Khi nhận thấy sự suy thoái của nhà Tiền Lê, sự sa đọa của vua Lê Long Đĩnh, thiên sư Vạn Hạnh và thiên sư Đa Bảo đã mở một cuộc vận động chính trị, đưa Lý Công Uẩn lên làm vua. Các thiên sư đã sử dụng phong thủy và sấm vĩ để truyền bá Phật pháp, nuôi dưỡng ý thức độc lập tự chủ dân tộc và làm nên cuộc cách mạng bất bạo động hiếm thấy trong lịch sử. Sách *Thiên uyển tập anh* có ghi lại tiên đoán của ngài Định Không (?-808) được lưu truyền trong quần chúng thời bấy giờ, rằng trong tương lai, tại làng Cổ Pháp (thuộc tỉnh Bắc Ninh) sẽ xuất hiện một vị vua họ Lý làm hưng long Phật giáo. Những lời tiên đoán này được lưu truyền trong nhân dân và mãi đến gần 200 năm sau, thời ngài Vạn Hạnh (?-1025) mới trở thành hiện thực.*

Ngay từ thời Đinh, Tiền Lê và tiếp theo là đầu thời Lý, các vị cao tăng đã trực tiếp tham gia chính sự, làm cố vấn cho nhà vua. Ngài Ngô Chân Lưu được

1. Nguyễn Lang. *Việt Nam Phật giáo sử luận*, t.1, Nxb Văn học, Hà Nội 1994, tr.483.

2. Nguyễn Lang. *Việt Nam Phật giáo sử luận*, t.1, Nxb Văn học, Hà Nội 1994, tr.230.

vua Đinh Tiên Hoàng tặng niên hiệu hết sức ý nghĩa là *Khuông Việt* (có nghĩa là giúp nước Việt), ban cho hiệu *Khuông Việt Thái sư*. Năm 971, vua Đinh Tiên Hoàng ban chức *Tăng thống* (một chức sắc của đạo Phật, đứng đầu tăng ni cả nước) cho Ngô Chân Lưu, “*chính thức nhận Phật giáo làm nguyên tắc chỉ đạo tâm linh cho chính sự*”⁽³⁾.

Đến thời Lê Đại Hành, tài đức của Khuông Việt Thái sư càng được nhà vua kính trọng. *Thiên uyển tập anh* chép rằng, “phần những việc quân quốc trong triều đình đều đưa cho ngài cả”. *Thiên uyển tập anh* cũng chép về Thiên sư Đỗ Pháp Thuận: “Đang lúc nhà Lê mới dựng nghiệp, trù kế định sách lược, sư tham dự đắc lực. Đến khi thiên hạ thái bình, sư không nhận phong thưởng. Vua Lê Đại Hành càng thêm kính trọng, thường không gọi tên, chỉ gọi Đỗ pháp sư và đem việc soạn thảo văn thư giao phó cho sư”. Thiên sư Pháp Thuận cũng từng giả là người lái đò trong cuộc đón sứ Tống là Lý Giác năm 987 và đã cùng với ngài Khuông Việt, để lại những bài thơ ứng khẩu tài tình đã khiến Lý Giác không thể không khâm phục nhân tài của nước Nam.

Các vị cao tăng có tài được nhà vua trọng dụng và có vai trò to lớn trong việc ban bố chính sách của nhà nước. Nhiều khi họ được trực tiếp tham gia bàn chính sự với nhà vua và bá quan trong triều. Các vị sư Đa Bảo, Viên Thông nhiều lần được vua Lý Thái Tổ mời vào cung để luận bàn việc nước.

Các sư Đa Bảo và Vạn Hạnh không những là người thầy của Lý Thái Tổ mà còn là những cố vấn chính trị quan trọng cho triều đình trong đường lối

lãnh đạo đất nước. Các ngài không những dạy cho nhà vua về Phật pháp mà còn nhiều lần được vua mời vào cung để hỏi ý kiến và tham dự quyết định các kế sách quốc gia. Nhiều ý kiến cho rằng, đồ án kinh thành Thăng Long có sự góp công rất lớn của thiên sư Vạn Hạnh, một người rất giỏi về phong thủy.

Sau khi rời đô về Thăng Long, Lý Thái Tổ đã sai người đi thỉnh Đại Tạng kinh từ Trung Quốc, cho xây dựng hàng loạt ngôi chùa tại kinh đô. Năm 1024 vua cho xây dựng chùa Chân Giáo ngay trong nội thành để làm nơi tụ tập, tụng kinh bái sám của nhà vua. Nhà vua làm như vậy không phải do thuần túy là người mộ đạo Phật, đáp nghĩa các nhà sư mà quan trọng hơn là do mục tiêu chính trị, văn hóa. Phật giáo vào Việt Nam tạo nên nét văn hóa Đại Việt độc lập với văn hóa Phương Bắc (*vốn mang nặng màu sắc Khổng Lão*), vừa góp phần cố kết lòng dân, nuôi dưỡng tinh thần tự chủ, độc lập tự cường của dân tộc.

Thời vua Lý Thái Tông (ở ngôi 1028-1054), nhà vua đã phát tâm xây dựng hàng trăm ngôi chùa, trong đó có chùa Diên Hựu (chùa Một Cột), biểu tượng của Hà Nội ngày nay.

Năm 1069, Lý Thánh Tông đi chinh phạt Chiêm Thành thắng lợi đã tạo cho đất nước một xu thế phát triển mới. Là một nhà lãnh đạo chính trị, đồng thời là một Phật tử, vua Lý Thánh Tông đã nhận thức được vấn đề chọn Phật giáo làm tư tưởng chủ đạo cho sự phát triển và đào tạo con người. Năm 1070, vua cho xây dựng Văn Miếu và sáu năm sau đó, tức năm 1076, vua Lý Nhân Tông cho thành

3. Nguyễn Lang. *Việt Nam Phật giáo sử luận*, t.1, Nxb Văn học, Hà Nội 1994, tr.230.

lập Quốc Tử Giám, trường đại học đầu tiên ở Việt Nam. Với mục tiêu xây dựng đất nước, các vị vua đời Lý đã không ngần ngại trong việc đưa tư tưởng Nho giáo vào để bổ sung cho ý đồ giáo dục của mình.

Điểm nổi bật của Phật giáo trong giai đoạn này là sự ra đời của dòng thiền Thảo Đường với *các thế hệ truyền thừa chính thức không phải là giới xuất gia mà đa phần là cư sĩ*. Vua Lý Thánh Tông là truyền thừa thế hệ thứ nhất, vua Lý Anh Tông là truyền thừa thế hệ thứ ba. Việc cư sĩ hóa Phật giáo không ngoài mục đích làm cho *đạo gắn với đời*, làm cho Phật giáo có thể tham gia tích cực vào mọi mặt của đời sống xã hội, đặc biệt, khi những cư sĩ đó lại là những người lãnh đạo cao nhất của đất nước. *Đây là lần đầu tiên trong lịch sử Phật giáo Việt Nam, vai trò của giới cư sĩ được khẳng định một cách chính thức, phù hợp với yêu cầu phát triển mới của dân tộc.*

Trong thời đại của mình, vua - thiền sư Lý Thánh Tông đã làm được hai việc quan trọng, đó là *thành lập Văn Miếu và thành lập dòng Thiền cư sĩ*. Sau này, vua Trần Thái Tông, trong tác phẩm Thiền Tông Chỉ Nam Tự, đã lí giải hai sự kiện trên như sau: chủ trương lập Văn miếu là để dùng Nho làm công cụ truyền bá cho Phật giáo, và cư sĩ hóa được lí giải bằng thuyết “*cư trần lạc đạo*” (*vui đạo giữa trần thế*).

Với sự mở mang biên cương của Tổ quốc về Phương Nam, với yêu cầu cấp thiết đào tạo nhân tài cho đất nước, các nhà lãnh đạo Phật tử - Hoàng đế Lý Thánh Tông, Lý Nhân Tông đã lập Văn Miếu, chủ trương đưa Phật giáo vào đời

sống hàng ngày, vào tận từng đơn vị gia đình với hình thức thiền sư - cư sĩ, tạo lập một thế lực vững mạnh hộ trì Phật giáo, làm cho Phật giáo phát triển sâu rộng trong xã hội. Xu hướng này là tiền đề cho sự xuất hiện của các thiền sư - nhà tư tưởng của dân tộc như Trần Thái Tông, Trần Nhân Tông, Tuệ Trung Thượng Sĩ.

Dưới sự hướng dẫn tinh thần của các thiền sư, Phật giáo thời Lý đã tạo một bản sắc văn hóa chính trị đầy tính nhân bản. Nhà Lý được xem như một triều đại thuần từ nhất trong lịch sử phong kiến Việt Nam. Các vị vua của triều đại này có một cuộc sống đạo đức và tâm linh, không có cảnh tranh đoạt, bạo loạn, cực hình mà thay vào đó là một đường lối chính trị khoan dung, độ lượng với thần dân và với cả kẻ thù. Tinh thần từ bi, hỉ xả của nhà Phật đã thấm nhuần từ vua quan cho đến thứ dân. Đường lối lấy đức trị thay cho pháp trị đã minh chứng sự hội nhập của Phật giáo vào đời sống văn hóa, chính trị và xã hội của dân tộc. Dưới triều nhà Đinh và nhà Tiền Lê vẫn thường dùng các cực hình như vạc dầu, chuồng hổ để trừng trị kẻ có tội. Sau khi Lý Công Uẩn lên ngôi, ông liền ra lệnh bỏ hết mọi hình cụ trong ngục, cho xây dựng thêm nhiều chùa chiền.

“*Yêu dân như con*”, đó là đạo trị nước của nhà Lý. Tư tưởng nhân ái, từ bi của nhà Phật hòa quyện với tinh thần “*thương người như thể thương thân*” của dân tộc Việt Nam đã ảnh hưởng đến luật pháp của triều đại này. Luật pháp triều Lý đặc biệt chú ý đến người già, trẻ nhỏ, coi trọng công tác giáo dục, ngăn ngừa. Pháp luật quy định những người trong độ tuổi từ 70 đến 80, trẻ nhỏ từ 10 đến 15 tuổi nếu phạm tội thì cho phép dùng tiền để chuộc. Luật pháp triều Lý còn có các quy định cụ thể

để bảo vệ sức kéo trong nông nghiệp, bảo vệ người lao động, v.v...

Trong xét xử các vua Lý thường khoan dung, lấy giáo dục làm chính. Có lần khi đang xét xử, vua Lý Thánh Tông chỉ vào công chúa Động Thiên mà nói: “Ta yêu con cũng như lòng ta làm cha mẹ dân. Dân không hiểu biết mà mắc vào hình pháp, trẫm rất thương xót. Từ nay về sau, không kể tội gì nặng hay nhẹ đều nhất luật khoan giảm”⁽⁴⁾. Vua Lý Nhân Tông thường hay mở hội Phật và tha cho những người có tội, còn vua Lý Thần Tông cũng thường xuyên tha bổng cho người mắc tội. Lòng nhân ái thương người của các vua nhà Lý không chỉ với nhân dân Đại Việt mà còn đối với cả với kẻ thù. Năm 1069, Lý Thánh Tông bắt được vua Chiêm Thành là Chế Củ cùng 5 vạn dân Chiêm Thành, vua không giết một ai. Sau khi đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược của nhà Tống, triều Lý giao trả cho nhà Tống dân phu, quân lính bị bắt tại Khâm Châu, Ung Châu năm 1075.

Có thể thấy rằng, triết lí từ bi của Phật giáo đã thấm sâu vào đạo trị nước an dân của vua quan triều Lý. Đó là một nhân tố quan trọng làm cho nhân dân no ấm, kinh tế, văn hóa được mở mang, đất nước thái bình, thịnh trị. Những yếu tố tích cực, tiến bộ của đạo Phật đã được vương triều Lý phát huy cao độ để phục vụ cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, chăm lo cho cuộc sống của nhân dân.

2. Ảnh hưởng của Phật giáo đến chính trị dưới triều đại nhà Trần

Biến cố chính trị năm 1226 đã cáo chung triều đại nhà Lý. Trần Cảnh (1218-1277) được đưa lên nắm chính quyền lấy

hiệu là Thái Tông mở ra một triều đại mới là nhà Trần.

Triều đại nhà Trần là một triều đại Phật giáo, với nhiều chiến công hiển hách: ba lần đánh tan quân xâm lược Nguyên - Mông và đạt được những thành tựu rực rỡ trong công cuộc xây dựng đất nước. Trong buổi đầu nhà Lý, các thiền sư còn can dự trực tiếp vào công việc chính sự. Triều đình nhà Lý cần đến tri thức, tài ngoại giao, khả năng giáo dục và sự liên kết nhân tâm của họ. Nhưng đến đời Trần, tình hình có khác đi. Các vua Trần là những người có tri thức, lại yêu tâm Phật học. Nhưng dù vị trí trực tiếp trong công việc chính sự của các tăng sĩ không còn nữa, Phật giáo vẫn phát triển rực rỡ hơn bao giờ hết, ảnh hưởng trực tiếp đến chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội trong giai đoạn này.

Dưới triều đại này, tư tưởng bình đẳng, bác ái của Phật giáo vẫn được phát huy. Tinh thần Phật giáo đã khiến cho các nhà chính trị áp dụng chính sách thân dân và dân chủ. Năm 1284, trước thế xâm lăng của quân Nguyên, Trần Nhân Tông đã triệu tập hội nghị Diên Hồng. Người đến dự không phải là các quan lại có thế lực mà là các bô lão đáng kính trọng trong nhân dân. Những tiếng hô đồng thanh trăm người như một “*dánh, đánh, đánh*” đã thể hiện ý chí quật khởi của dân tộc và niềm tin tưởng tất thắng vào thắng lợi.

Kế thừa và phát huy truyền thống đạo gắn với đời, các vị vua thiền sư thời Trần đã làm cho Phật giáo Việt Nam trong giai đoạn này bừng sáng bởi tinh thần nhập thế tích cực. Nếu vai trò của nhà

4. Ngô Sĩ Liên. *Đại Việt sử ký toàn thư*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội 1984, tr.273.

chính trị là chăm sóc muôn dân, đem lại bình yên cho xã tắc thì vai trò nhập thế của người tu Phật là đem ánh sáng của đạo vào đời để giúp đời. Sự kết hợp hài hòa hai vai trò đó trong cương vị của người lãnh đạo quốc gia đã làm cho giáo lí, cho triết thuyết mà họ chủ xướng trở thành sức mạnh có đóng góp to lớn cho nhiều mặt của đời sống xã hội. Đó là những vị vua thực nghiệm chân lí Phật giáo ngay trong cuộc sống bằng sự nghiệp của chính mình. Khi đất nước cần thì tham chính đánh giặc, vừa làm việc đời, vừa làm việc đạo, tu dưỡng nhân cách, sống an nhiên tự tại.

Các vị vua Trần đã tìm thấy trong đạo Phật một chỗ dựa tư tưởng, một nguyên lí, một cương lĩnh giúp cho việc xây dựng và bảo vệ đất nước. Tinh thần nhập thế tích cực của Thiên tông Việt Nam đã làm cho đạo gắn với đời, với sự nghiệp giải phóng dân tộc. Các vị vua - thiền sư đời Trần, dù phải tận dụng mọi lúc rảnh rang để nghiên tâm kinh điển, khi đất nước lâm nguy vẫn sẵn sàng “*cởi áo cà sa, khoác chiến bào ra trận*”. Tư tưởng vô ngã của Phật giáo đã tác động rất lớn đến tinh thần không ngại hy sinh vì độc lập tự do của dân tộc. Các vị vua - thiền sư không thể không nhập thế cứu đời theo tinh thần từ bi, hỉ xả của Phật giáo nhưng sau khi đã hoàn thành nhiệm vụ thì sẵn sàng “*lia bỏ ngai vàng như vứt bỏ chiếc giày rách*”. Sau hai lần lãnh đạo toàn dân chiến thắng giặc Nguyên- Mông, vua Trần Nhân Tông đã nhường lại ngôi cho con là Trần Anh Tông và xuất gia, tu hành trên núi Yên Tử vào năm 1294. “Chính Nhân Tông đã sử dụng được tiềm năng của Phật giáo để phục vụ cho chính trị. Sự kiện xuất gia của vua, cũng như những năm hành đạo trong dân gian của

vua, đã khiến cho Giáo hội Phật giáo Trúc Lâm trở nên một lực lượng tôn giáo hùng mạnh yểm trợ cho triều đại”⁽⁵⁾.

Sự kiện một ông vua tài năng, đức độ đang đứng trên tột đỉnh của vinh quang sau khi giành thắng lợi cho đất nước, rũ áo hoàng bào, xuất gia, chắc hẳn đã gây nên một tiếng vang lớn thời đó. Khi đánh giá về vai trò và ảnh hưởng của hai vua Trần với thời đại, tác giả Lê Sĩ Thắng viết: “Còn có Hoàng đế nào khác ngoài Trần Thái Tông và Trần Nhân Tông vất bỏ tột đỉnh vinh quang, tột đỉnh quyền uy, tột đỉnh phú quý để trở thành tu sĩ sau khi đã giải phóng dân tộc hay không? Nếu có, ắt cũng là trường hợp hãn hữu trong lịch sử dân tộc mà chúng tôi chưa biết hết. Dầu vậy, chúng tôi tin rằng, sau khi vứt hoàng bào, mặc áo cà sa, ẩn mình trên đỉnh Yên Tử mù sương, xa lánh bụi trần cả nghĩa đen lẫn nghĩa bóng, viết sách *Khóa Hư Lục* như Trần Thái Tông, hoặc lập ra phái *Thiền Trúc Lâm* như Trần Nhân Tông, hai vua Trần đã bộc lộ tư tưởng, theo đó, thì sự nghiệp giải phóng con người không dừng lại sau khi giải phóng dân tộc. Còn phải tiếp tục giải thoát con người khỏi những niềm đau, nỗi khổ khác của cuộc đời, cắt đứt cái nguồn gốc của những niềm đau khổ ấy, và hạnh phúc con người không ở quyền uy, phú quý”⁽⁶⁾. Chỉ những người thực sự thấm nhuần quy luật vô thường, vô ngã của nhà Phật mới có thể làm được như vậy. Đây là những yếu tố tinh thần quan trọng góp phần làm nên những kì tích của dân tộc trong giai đoạn này.

5. Nguyễn Lang. *Việt Nam Phật giáo sử luận*, t.1, Nxb Văn học, Hà Nội 1994, tr.507.

6. Lê Sĩ Thắng. *Vấn đề giải phóng và giải thoát trong tư tưởng hai vua Trần*, Tạp chí Triết học, số 1/1994, tr.27.

Vua Trần Nhân Tông là biểu tượng của một vị vua yêu nước và anh hùng trong lịch sử chế độ phong kiến Đại Việt. Trong thời gian lãnh đạo đất nước, nhà vua đã làm nên những trang sử vẻ vang cho dân tộc và đưa Phật giáo Việt Nam phát triển đến chỗ cực thịnh. Tên tuổi của nhà vua gắn với những hoạt động chính trị, văn hóa, xã hội quan trọng nhất thời kì này. Lịch sử Việt Nam thực sự đã trải qua những năm tháng sôi động và hào hùng nhất. Trần Nhân Tông đã lãnh đạo đất nước tiến hành thắng lợi hai cuộc kháng chiến chống Nguyên Mông năm 1285 và 1288. Tư tưởng của Trần Nhân Tông được thể hiện trong các sáng tác vô cùng phong phú bao gồm các thể loại: thơ, phú, bài giảng, ngữ lục văn xuôi và thư ngoại giao. Vua Trần Nhân Tông đã gửi vào đó những nội dung tư tưởng sâu sắc được hun đúc từ quá trình hoạt động tích cực với đạo, với đời cũng như sự thấm nhuần, uyên thâm cả thế học lẫn Phật học. Tuy nhiên, tư tưởng then chốt chiếm lĩnh trên toàn bộ tư tưởng của ông là tư tưởng “*cư trần lạc đạo*” (*vui đạo giữa trần thế*). Quan niệm này đã thức tỉnh mọi người hãy biết rõ sự mong manh, tạm bợ của thân người chỉ là sự tồn tại khách quan của tự nhiên như mặt trời mọc rồi lại lặn. Thái độ chấp nhận sự mất còn của thân thể sẽ đánh thức con người nhận được chân giá trị của cuộc sống, không ham sống để hưởng thụ và cũng không sợ hãi khi cái chết cận kề. Theo quan niệm của Trần Nhân Tông, người nào thấy được sự vô thường của tự thân thì người ấy mới sống một cuộc đời xứng đáng và vì vậy cũng đón nhận cái chết một cách bình an, tự tại. Trần Nhân Tông đã *lấy đạo pháp như một phương tiện để phục vụ*

dân tộc Đồng thời, ông đã quán triệt, thực hiện triết lý Phật giáo bằng cả cuộc sống của chính mình, quán chiếu kinh điển vào trong đời sống để làm đẹp cho đời, có ích cho quốc gia. “Trần Nhân Tông không chỉ là nhà chính trị nhìn xa trông rộng mà còn là nhà quân sự có tài, không chỉ là nhà ngoại giao mà còn là nhà tư tưởng, nhà văn, nhà thơ, không chỉ là vị quân vương mà còn là nhà tu hành, không chỉ là nhà văn hóa mà còn là thiền sư lỗi lạc”⁽⁷⁾.

Các vị vua Trần đã “*Việt Nam hóa*” Phật giáo, vận dụng Phật giáo một cách sáng tạo vào hoàn cảnh Việt nam. Trước họa xâm lăng, những thiền sư, những Phật tử thuần thành không chỉ ngồi tu thiền, tham cứu Phật pháp, lo cho việc giải thoát cá nhân mà phải dấn thân vào sự nghiệp giải phóng dân tộc. Triết lý nhà Phật đã được các vị vua thực hành một cách rất linh hoạt, sáng tạo trong đời sống thực tiễn của đất nước. Phật giáo đã thực sự hòa vào đời sống của dân tộc, song hành với lịch sử dân tộc. Đó cũng chính là lí do khiến Phật giáo ngày càng ăn sâu, bén rễ trên mảnh đất Việt Nam.

Một thiền sư cư sĩ trong giai đoạn này đã có vai trò rất lớn đối với Phật giáo Việt Nam, đó là Tuệ Trung Thượng Sĩ. Cuộc đời và sự nghiệp của ông không chỉ ảnh hưởng sâu sắc đến vua Trần Nhân Tông, Thiên phái Trúc Lâm mà còn đến lịch sử tư tưởng dân tộc. Với ông, giáo lý chỉ là phương tiện để tiến đến giải thoát, cần vận dụng một cách hợp lí, không máy móc. Vị thiền sư này đã khai mở một đường hướng mới sâu sắc, uyên thâm,

7. Lê Sĩ Thắng. *Vấn đề giải phóng và giải thoát trong tư tưởng hai vua Trần*, Tạp chí Triết học, số 1/1994, tr.119.

độc đáo trong Phật giáo Việt Nam. Là một cư sĩ, song ở ông biểu hiện một phong cách rất siêu việt, một phong cách chỉ tìm thấy ở những bậc ngộ đạo. Là công tử của hoàng cung, là tướng của triều đình đã từng tham gia ba cuộc kháng chiến chống Nguyên - Mông xâm lược, song ông không hề bị danh lợi trói buộc mà thấy được sự tạm bợ, vô thường của vinh hoa phú quý. Ông xem việc sống chết chỉ như trò đùa, nhẹ hơn cả lông hồng, trong khi điều ấy là sự đe dọa khủng khiếp đối với những kẻ tầm thường. Con đường và phương pháp giác ngộ của ông đã làm cho Phật giáo Việt Nam có sắc thái riêng, đạo gắn với đời, với vận mệnh của quốc gia dân tộc.

Dưới triều đại nhà Trần, Phật giáo vẫn không ngừng phát triển và ảnh hưởng sâu đậm trong đường lối chính trị của giai cấp cầm quyền đương thời. Triết thuyết Phật giáo đã thực sự đi vào cuộc đời, nhập thế một cách tích cực bởi vai trò lãnh đạo đất nước của các vị vua - Thiên sư Tư tưởng Việt Nam, nhân cách Việt Nam đã thực sự tỏa sáng trong quá trình thực hành ứng dụng Phật pháp một cách sâu sắc và sáng tạo trong bối cảnh đặc biệt của đất nước.

KẾT LUẬN

Thời kì Lý - Trần là thời kì thịnh vượng nhất của Phật giáo Việt Nam. Sự ảnh hưởng qua lại giữa Phật giáo và chính quyền phong kiến tự chủ đã thể hiện rất rõ ràng trong các sinh hoạt xã hội. Đây là một thời đại mà các thiên sư đã hòa đạo vào đời, tham gia chính sự, góp phần tạo nên ý chí kiên cường bất khuất cho dân tộc. Nguyên nhân làm nên thời đại anh hùng và vàng son ấy có lẽ

rất nhiều, song chủ yếu là sự kết hợp giữa tư tưởng yêu nước, tinh thần dân tộc với tư tưởng Phật giáo. Qua đây, chúng ta càng thấy tầm quan trọng của vấn đề việc cầm quyền luôn phải dựa vững chắc trên một hệ tư tưởng nào đó, và trong triều đại Lý - Trần, chủ thuyết của xã hội chính là Phật giáo.

Các vị vua - thiên sư của thời đại Lý - Trần đã sống một đời sống tâm linh hưởng thượng, song đồng thời cũng là những người lãnh đạo quốc gia hết sức tài giỏi. Phật giáo trong giai đoạn này không hề là một tư tưởng yếm thế, rút lui trước bão táp của cuộc sống. Trái lại, đó là tinh thần nhập thế tích cực có tính chất thượng võ với những chiến công hiển hách. Dưới hai triều đại Lý- Trần, thần quyền đã góp phần củng cố vương quyền một cách đắc lực và ngược lại, chính quyền đương thời cũng đã hộ trì, dồn hết tâm sức cho việc phát triển Phật giáo.

Sự ra đời của dòng thiền Trúc Lâm Yên Tử do vua Trần Nhân Tông sáng lập đã làm cho Phật giáo Việt Nam có bản sắc riêng, đáp ứng yêu cầu của Đại Việt trong việc xây dựng một đất nước độc lập tự chủ không chỉ về lãnh thổ mà còn trên cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa và tôn giáo. Chùa chiền dưới triều đại Lý - Trần do nhà nước xây dựng nên quy mô thường đồ sộ. Điều này cũng cho thấy kinh tế thời kì này rất phát triển. Kiến trúc và nghệ thuật điêu khắc tượng Phật và cảnh trang trí trong chùa thời đó thể hiện một dân tộc có trình độ thẩm mỹ cao. Phật giáo Lý - Trần thực sự đã góp phần khẳng định một nền văn hiến độc lập, tự chủ của quốc gia Đại Việt./.